

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa năm 2026

Thực hiện Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa; trên cơ sở báo cáo và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1363/TTr-SNNMT ngày 07/11/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Thu thập, chuẩn hóa và bảo quản an toàn dữ liệu về tài nguyên và môi trường, từng bước đưa công tác thu thập, lưu trữ và phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đi vào nề nếp, cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời.

- Chuẩn bị dữ liệu đầu vào cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa phục vụ công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Việc tổ chức thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu, tài liệu, hồ sơ, mẫu vật phải khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đúng quy định của pháp luật; có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa các sở, ngành và UBND các xã, phường.

- Việc thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung dữ liệu

thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

- Thực hiện thu thập dữ liệu theo Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được phê duyệt tại Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh và các quy định hiện hành của pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Thu thập, cập nhật dữ liệu và vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường

1.1. Thu thập, tiếp nhận, xử lý, scan (quét) dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các đơn vị trực thuộc sở, đưa vào lưu trữ (dạng giấy) và chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật vào phần mềm kho tài liệu lưu trữ điện tử (Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản gốc, bản chính gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định), gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về đất đai gồm:

- Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;
- Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;
- Thống kê, kiểm kê đất đai;
- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Giá đất và bản đồ giá đất;
- Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

b) Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

- Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;
- Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
- Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước trong nước và liên quốc gia;
- Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng;
- Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;
- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;
- Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

c) Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

- Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

- Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

- Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi cả nước;

- Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

d) Thông tin, dữ liệu về môi trường gồm:

- Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;

- Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong sách Đỏ Việt Nam;

- Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;

- Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản: hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

- Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

- Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

- Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

- Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

- Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

đ) Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

- Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

- Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;

- Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

- Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

- Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

- Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

e) Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

- Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

- Hệ thống không ảnh;

- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình quốc gia;

- Sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia;

- Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;

- Bản đồ hành chính;

- Dữ liệu địa danh;

- Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm hải đồ; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

g) Thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo gồm:

- Dữ liệu về vùng đất ven biển, địa hình đáy biển;

- Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;

- Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển; dầu, khí ở biển; dữ liệu về tính chất vật lý, hóa lý của nước biển;

- Dữ liệu về hệ sinh thái biển; đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản biển; tài nguyên vị thế biển và kỳ quan sinh thái biển;

- Dữ liệu về môi trường biển, nhận chìm ở biển;

- Dữ liệu về hải đảo;

- Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;

- Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo;

- Kết quả thống kê tài nguyên biển và hải đảo;

- Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

h) Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm:

- Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

- Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội;

- Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;

- Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

- Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;

- Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia;

- Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ;

- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

i) Thông tin, dữ liệu về viễn thám gồm:

- Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám;

- Dữ liệu viễn thám;

- Dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám;

- Sản phẩm ảnh viễn thám;

- Siêu dữ liệu viễn thám;

- Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám.

k) Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

l) Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

m) Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

n) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

1.2. Vận hành hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường, gồm:

Kho tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển, cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học và an toàn sinh học, trung tâm điều hành quan trắc môi trường tự động.

2. Giao nộp, cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường

2.1. Các sở, ban, ngành trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

- Đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường do các sở, ban, ngành được giao quản lý tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định; gửi thông báo về Sở Nông nghiệp và Môi trường về danh mục thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị quản lý.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2026.

2.2. Cấp xã, phường

- Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định; gửi thông báo về Sở Nông nghiệp và Môi trường về danh mục thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị quản lý.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2026.

- Bố trí kho lưu trữ tài liệu tài nguyên môi trường bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, có đủ phương tiện, thiết bị lưu trữ đúng quy định.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp xã, phường bảo đảm, được phân bổ từ nguồn kinh phí không thường xuyên hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn việc thực hiện các nội dung Kế hoạch, tổng hợp báo cáo kết quả thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm 2026 trình UBND tỉnh.
- Thực hiện nhiệm vụ thu thập, đánh giá, xử lý, cập nhật và lưu trữ dữ liệu thu thập tại điểm 1 mục II Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính

Tham mưu cho cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ thu thập, đánh giá, xử lý, cập nhật và lưu trữ dữ liệu thu thập tại điểm 1 mục II Kế hoạch này, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

- Thống kê dữ liệu về tài nguyên và môi trường có được trong hoạt động của ngành, địa phương (nếu có), cung cấp thông tin mô tả về dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và đưa vào sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 01/12.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.
- Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và đưa vào sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 01/12.

Yêu cầu các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng các nội dung của Kế hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Mẫu số 01: Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÔNG TIN, DỮ LIỆU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức).....

Số CMND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Thực hiện Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày/...../..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường,

(Tên tổ chức/cá nhân) thông báo về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đang lưu trữ như sau:

TT	Danh mục thông tin, dữ liệu cung cấp	Mô tả về thông tin, dữ liệu	Nguồn gốc thông tin, dữ liệu
1			
2			

Chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NỘP

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày/...../..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

Hôm nay, ngày tháng năm tại Trung tâm Dữ liệu thông tin Nông nghiệp và môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện bên giao:

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

2. Đại diện bên nhận: thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

Ông/Bà:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Hai bên tiến hành giao, nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của nhiệm vụ/công trình/dự án để nhập vào kho lưu trữ theo quy định.

Khối lượng thông tin, dữ liệu được thống kê theo bảng như sau:

TT	Thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
TỔNG CỘNG				

Hai bên đã giao nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ được thống kê ở trên và nhất trí ký vào biên bản. Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN¹

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹Trường hợp là cơ quan, tổ chức giao nộp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên.